MỐI QUAN HỆ GIỮA TĂNG ĐOÀN PHẬT GIÁO VÀ TRIỀU ĐÌNH RAMA II: QUYỀN LỰC VÀ ẢNH HƯỞNG

©2026 Tạp chí Khoa học Intracom
Số 1(1) tháng 4-2026
p-ISSN 3126-2708
https://intracomuni.edu.vn/

The Relationship between the Buddhist Sangha and the Rama II Court: Power and Influence

Phạm Quốc Trung[*], Lê Thị Thanh Tâm[**], Võ Minh Hùng[***], Đinh Văn Viễn[****]

Ngày nhận bài: 20/01/2025, ngày gửi phản biện: 06/12/2025, ngày duyệt đăng: 20/12/2025

Tóm tắt

Bài viết phân tích mối quan hệ giữa Tăng đoàn Phật giáo và triều đình dưới thời vua Rama II (1809 - 1824) trong bối cảnh củng cố quyền lực của vương triều Chakri ở Thái Lan đầu thế kỷ XIX. Thông qua khung lý thuyết về quyền lực tôn giáo và chính trị, nghiên cứu làm rõ vai trò xã hội - chính trị của Tăng đoàn không chỉ như một thiết chế tôn giáo mà còn là công cụ hợp pháp hóa quyền lực vương triều. Triều đình Rama II vừa bảo trợ, vừa kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Tăng đoàn thông qua cải cách tổ chức, bổ nhiệm chức sắc và quản lý giáo lý. Ngược lại, Tăng đoàn góp phần ổn định trật tự xã hội và củng cố tính chính danh cho nhà vua. Mối quan hệ này phản ánh sự thỏa hiệp quyền lực, tạo nên cơ chế cân bằng giữa tôn giáo và chính quyền, có tác động sâu rộng tới đời sống xã hội và sự phát triển Phật giáo Thái Lan.

Từ khóa

Tăng đoàn Phật giáo, Triều đình Rama II, Quyền lực tôn giáo - chính trị, Vương triều Chakri.

Abstract

This article analyzes the relationship between the Buddhist Sangha and the royal court under King Rama II (1809 - 1824) in the context of the consolidation of power of the Chakri Dynasty in Thailand in the early 19th century. Through the theoretical framework of religious and political power, the study clarifies the socio - political role of the Sangha not only as a religious institution but also as a tool to legitimize royal power. The Rama II court both patronized and tightly controlled the activities of the Sangha through organizational

[*] Trường Đại học sư phạm, Đại học Huế; Tác giả liên hệ; Email: pqtrung@dhsphue.edu.vn; ORCID: https://orcid.org/0009-0001-0839-5794
[**] Nghiên cứu sinh, Trường Đại Học Đông Á
[***] Tiến sĩ, Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu
[****] Tiến sĩ, đại học Hoa Lư

reform, appointment of dignitaries and doctrinal management. In return, the Sangha contributed to stabilizing social order and strengthening the legitimacy of the king. This relationship reflected a compromise of power, creating a mechanism of balance between religion and government, which had a profound impact on social life and the development of Buddhism in Thailand.

Keywords

Buddhist Sangha, Rama II's court, Religious - political power, Chakri dynasty.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình lịch sử Đông Nam Á, Phật giáo không chỉ là một tôn giáo mang tính tín ngưỡng - tâm linh, mà còn giữ vai trò như một thiết chế xã hội - chính trị có ảnh hưởng sâu rộng đến cấu trúc quyền lực và sự vận hành của nhà nước truyền thống. Tại Thái Lan, đặc biệt dưới triều đại Chakri, mối quan hệ giữa Tăng đoàn Phật giáo và triều đình hoàng gia là một trong những trụ cột quan trọng hình thành nên mô hình nhà nước quân chủ Phật giáo, trong đó quyền lực thế tục và quyền uy tôn giáo vừa song hành, vừa tương tác và chi phối lẫn nhau. Tuy nhiên, trong số các giai đoạn lịch sử của vương triều Chakri, thời kỳ trị vì của vua Rama II (1809 - 1824) vẫn chưa được giới nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm tương xứng, mặc dù đây là giai đoạn có ý nghĩa bản lề trong việc định hình quan hệ giữa hoàng quyền và Phật quyền.

Sau giai đoạn tái thiết đất nước dưới thời Rama I, triều đại Rama II đánh dấu bước chuyển từ củng cố chính trị sang ổn định văn hóa - tôn giáo. Trong bối cảnh đó, Phật giáo trở thành nguồn lực quan trọng nhằm củng cố tính chính danh của vương quyền và duy trì trật tự xã hội. Triều đình không chỉ bảo trợ cho Tăng đoàn về mặt vật chất và pháp lý mà còn can thiệp sâu vào tổ chức, kỷ luật và giáo lý của giáo hội. Đồng thời, Tăng đoàn cũng chủ động tham gia vào quá trình định hướng dư luận xã hội, xây dựng hình ảnh nhà vua như một minh quân hộ pháp và duy trì nền tảng đạo đức truyền thống của quốc gia.

Điều đáng chú ý là mối quan hệ này không vận hành theo mô hình đơn tuyến "nhà nước kiểm soát tôn giáo", mà tồn tại như một cơ chế tương tác hai chiều, trong đó quyền lực được thương lượng, điều chỉnh và tái phân bổ thông qua các hình thức thỏa hiệp và cân bằng lợi ích. Việc nghiên cứu trường hợp Rama II vì thế không chỉ giúp làm rõ bản chất quyền lực của nhà nước Thái Lan truyền thống, mà còn góp phần lý giải cách thức tôn giáo được huy động như một nguồn lực chính trị và văn hóa trong quá trình kiến tạo trật tự xã hội.

Trên cơ sở đó, bài viết hướng tới ba đóng góp học thuật chính. Thứ nhất, nghiên cứu bổ sung một trường hợp chuyên sâu về giai đoạn Rama II, qua đó làm đầy khoảng trống trong các nghiên cứu về quan hệ Phật giáo - chính quyền thời đầu triều Chakri. Thứ hai, bằng cách vận dụng khung lý thuyết liên ngành giữa lịch sử, xã hội học tôn giáo và chính trị học, bài viết đề xuất một cách tiếp cận mới trong việc phân tích cơ chế cộng sinh và cân bằng quyền lực giữa thiết chế tôn giáo và nhà nước truyền thống. Thứ ba, nghiên cứu góp phần làm rõ

vai trò của "quyền lực biểu tượng" và "chính danh tôn giáo" trong việc duy trì tính ổn định chính trị tại các xã hội Phật giáo Đông Nam Á.

Bên cạnh giá trị học thuật, bài viết còn mang ý nghĩa tham chiếu đối với nghiên cứu lịch sử và quản lý tôn giáo ở Việt Nam. Trường hợp Thái Lan dưới thời Rama II cho thấy cách thức nhà nước truyền thống dung hợp giữa bảo trợ và kiểm soát tôn giáo nhằm duy trì ổn định xã hội. Những kinh nghiệm lịch sử này có thể gợi mở hướng tiếp cận so sánh trong việc nghiên cứu quan hệ giữa Phật giáo và nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ, đặc biệt trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập hiện nay.

Vì vậy, việc nghiên cứu một cách hệ thống mối quan hệ giữa Tăng đoàn Phật giáo và triều đình Rama II không chỉ có ý nghĩa trong việc nhận diện cơ chế vận hành quyền lực tại Thái Lan truyền thống, mà còn góp phần mở rộng không gian đối thoại học thuật về vai trò của tôn giáo trong đời sống chính trị - xã hội khu vực Đông Nam Á.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Bài viết vận dụng các tiếp cận của xã hội học tôn giáo, chính trị học lịch sử và nhân học quyền lực để phân tích mối quan hệ giữa Tăng đoàn Phật giáo và triều đình Rama II như một cấu trúc quyền lực - văn hóa đặc thù trong nhà nước quân chủ Thái Lan đầu thế kỷ XIX. Trên cơ sở lý thuyết quyền lực biểu tượng của Pierre Bourdieu, nghiên cứu làm rõ vai trò của Phật giáo như một nguồn vốn biểu tượng góp phần hợp pháp hóa vương quyền. Đồng thời, lý thuyết tính chính danh của Max Weber được sử dụng để lý giải sự kết hợp giữa quyền lực truyền thống và tôn giáo trong mô hình cai trị của vương triều Chakri. Tiếp cận lịch sử thể chế giúp nhận diện Phật giáo như một thiết chế bán công, vừa chịu sự quản lý của nhà nước vừa duy trì tính tự trị tương đối.

Về phương pháp, bài viết áp dụng phương pháp lịch sử - phân tích dựa trên các nguồn tư liệu sơ cấp và thứ cấp nhằm tái dựng bối cảnh chính trị - tôn giáo thời Rama II. Bên cạnh đó, phương pháp so sánh lịch sử và phân tích diễn ngôn được sử dụng để làm rõ quá trình chính trị hóa tôn giáo và thiêng liêng hóa quyền lực, qua đó khẳng định tính song trùng của Phật giáo như một hiện tượng tâm linh và một thiết chế chính trị - xã hội.

3. Bối cảnh lịch sử của mối quan hệ giữa Tăng đoàn và triều đình Rama II

3.1. Tăng đoàn Phật giáo và vai trò xã hội ở Thái Lan thời đầu triều đại Chakri

Trong bối cảnh chính trị và xã hội Thái Lan đầu thế kỷ XIX, đặc biệt dưới triều vua Rama II (1809 -1824), triều đại Chakri chứng kiến sự củng cố quan hệ chiến lược giữa triều đình và Tăng đoàn Phật giáo (Sangha). Sau những biến động cuối thời Thonburi và quá trình hình thành chính quyền Chakri, triều đình nhận thức rõ rằng Tăng đoàn không chỉ giữ vai trò tôn giáo mà còn là trụ cột văn hóa, giáo dục và đạo đức xã hội, góp phần ổn định cộng đồng (Keyes, 1987, tr. 112). Trong giai đoạn này, Tăng đoàn trở thành trung gian tinh thần giữa nhà vua và dân chúng, vừa truyền bá tư tưởng Phật giáo, vừa giám sát việc tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong đời sống làng xã. Về tổ chức, Tăng đoàn được xây dựng theo hệ thống phân cấp chặt chẽ, đứng đầu là Somdet Phra Sangharaja và các vị trưởng tông phái,

đảm nhiệm quản lý nội bộ và hướng dẫn giáo lý (Tambiah, 1976, tr. 57). Cấu trúc này tạo điều kiện cho triều đình phối hợp với giáo hội trong các hoạt động xã hội và hành chính. Đổi lại sự bảo trợ về vật chất và pháp lý, từ đất đai đến kinh phí chùa chiền, Tăng đoàn cung cấp uy tín đạo đức và hỗ trợ triều đình trong việc củng cố quyền lực chính trị.

Bên cạnh chức năng tôn giáo, Tăng đoàn còn đảm nhiệm vai trò giáo dục, tổ chức nghi lễ, hoạt động từ thiện và giám sát đạo đức cộng đồng, qua đó hình thành cơ chế "quản lý mềm" dựa trên uy tín tinh thần (Keyes, 1987, tr. 117). Mối quan hệ giữa triều đình và Tăng đoàn dưới thời Rama II vì thế vừa mang tính hợp tác vừa phản ánh sự cân bằng quyền lực tinh tế. Triều đình bảo trợ giáo hội, bảo đảm nguồn lực cho sự tồn tại và phát triển của Tăng đoàn, trong khi Tăng đoàn cung cấp tính chính danh tinh thần cho chế độ, góp phần nâng cao uy tín vương quyền trong mắt dân chúng (Stuart-Fox, 1986, tr. 148). Sự hợp tác này còn thể hiện qua việc xây dựng, trùng tu chùa chiền và tổ chức các lễ hội Phật giáo mang tầm quốc gia, qua đó củng cố hình ảnh nhà vua như người bảo hộ tôn giáo và đạo đức xã hội. Nhìn chung, trong thời kỳ đầu triều Chakri, Tăng đoàn không chỉ là một tổ chức tôn giáo mà còn là lực lượng xã hội chiến lược, giữ vai trò trung tâm trong việc ổn định xã hội và định hình mối quan hệ lâu dài giữa chính trị và tôn giáo tại Thái Lan.

3.2. Cấu trúc quyền lực và tổ chức triều đình dưới thời vua Rama II

Thời kỳ trị vì của vua Rama II (1809 - 1824) đánh dấu giai đoạn củng cố quyền lực trung ương trong triều đại Chakri, với việc tổ chức triều đình theo cơ chế hành chính chặt chẽ và phân quyền rõ ràng giữa các bộ máy quan lại. Cấu trúc quyền lực dưới triều vua này phản ánh sự kết hợp tinh tế giữa yếu tố truyền thống, dựa trên mô hình quản trị phong kiến của Ayutthaya trước đó, và các cải cách mang tính hiện đại hóa nhằm tăng cường tính hiệu quả trong quản lý chính quyền và kiểm soát dân chúng (Wyatt, D. K., 1984, tr. 121). Triều đình được tổ chức theo hệ thống hai nhánh quyền lực chính: quyền lực hành chính và quyền lực tôn giáo, trong đó vua đóng vai trò tối cao, vừa là người ra quyết định chính trị vừa là bảo hộ tối thượng của Phật giáo, tạo nên sự hợp nhất giữa chính quyền và tinh thần xã hội.

Hệ thống hành chính được phân chia thành các bộ quan trọng, bao gồm Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Quân sự, và Bộ Ngoại giao, với mỗi bộ chịu trách nhiệm trực tiếp trước vua về các chức năng quản lý tương ứng (Wyatt, D. K.,1984, tr. 125). Chức danh Chao Phraya được trao cho các quan trọng yếu trong triều, vừa làm cố vấn trực tiếp cho vua, vừa điều hành các hoạt động hành chính và quân sự tại các tỉnh. Việc phân cấp quyền lực này giúp triều đình vừa duy trì kiểm soát trung ương, vừa tạo điều kiện cho sự quản lý hiệu quả ở các vùng ngoại vi, hạn chế rủi ro nổi loạn hay bất ổn địa phương. Đồng thời, cấu trúc này cũng duy trì một hệ thống tín nhiệm dựa trên quan hệ cá nhân và uy tín gia tộc, qua đó củng cố quyền lực triều đình một cách mềm dẻo nhưng hiệu quả.

Song song với quyền lực hành chính, triều đình Rama II duy trì mối quan hệ chặt chẽ với Tăng đoàn Phật giáo, coi đây là trụ cột tinh thần vừa hỗ trợ giáo dục vừa giám sát đạo đức xã hội (Wyatt, D. K., 1984, tr. 114). Nhà vua giữ quyền bảo hộ tối thượng thông qua

việc bảo trợ chùa chiền, bổ nhiệm các chức sắc cao cấp và tận dụng uy tín tôn giáo để củng cố tính chính danh cũng như lòng trung thành của thần dân. Cấu trúc quyền lực này mang tính đa tầng: vua ở trung tâm, bộ máy hành chính giữ vai trò điều hành, còn Tăng đoàn đảm nhiệm chức năng tinh thần và đạo đức, tạo nên một cơ chế kiểm soát mềm dẻo phù hợp với bối cảnh Thái Lan đầu thế kỷ XIX. Bên cạnh đó, triều đình thiết lập mạng lưới quan lại tại các địa phương dưới sự giám sát của trung ương, nhằm đảm bảo thu thuế, duy trì trật tự và thực thi pháp luật, đồng thời khẳng định hình ảnh nhà vua là người bảo hộ tối cao của cả quyền lực chính trị lẫn tôn giáo.

Nhìn chung, cấu trúc quyền lực và tổ chức triều đình thời Rama II thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa quyền lực trung ương, bộ máy hành chính và Tăng đoàn, góp phần tạo nên sự ổn định cho vương quốc và ảnh hưởng lâu dài đến mô hình vận hành chính trị - xã hội của các triều đại sau.

3.3. Mối quan hệ giữa tôn giáo và chính quyền trong lịch sử Thái Lan

Quan hệ giữa tôn giáo và chính quyền trong lịch sử Thái Lan phản ánh sự kết hợp chặt chẽ giữa quyền lực chính trị và Phật giáo như một nền tảng đạo đức - xã hội của vương quốc. Từ thời Ayutthaya đến triều đại Chakri, các vị vua Thái thường được xem là Dhammaraja - "vua trị vì theo Pháp", tức là người cai trị dựa trên giáo lý Phật giáo và chuẩn mực đạo đức. Quan niệm này giúp nhà vua vừa củng cố tính chính danh của quyền lực hoàng gia, vừa tạo ra khuôn khổ đạo đức cho xã hội. Trong cấu trúc đó, Tăng đoàn (Sangha) đóng vai trò quan trọng không chỉ trong đời sống tôn giáo mà còn trong việc định hình trật tự xã hội, truyền bá các giá trị đạo đức và góp phần ổn định đời sống chính trị - xã hội của vương quốc (Mulder, 1979, tr. 88). Nhờ vậy, Phật giáo trở thành một thành tố cốt lõi trong cấu trúc quyền lực và bản sắc văn hóa - chính trị của Thái Lan.

Trong giai đoạn đầu của triều Chakri, đặc biệt dưới thời các vua Rama, mối quan hệ giữa chính quyền trung ương và Tăng đoàn tiếp tục được củng cố nhằm duy trì sự ổn định của vương quốc. Sự phối hợp giữa bộ máy hành chính hoàng gia và tổ chức Tăng đoàn giúp nhà nước quản lý xã hội hiệu quả hơn, giảm thiểu việc sử dụng cưỡng chế trực tiếp và tăng cường sự gắn kết giữa trung ương với địa phương. Thông qua các hoạt động bảo trợ tôn giáo, xây dựng chùa chiền và cải tổ tổ chức Tăng đoàn, hoàng gia không chỉ khẳng định vai trò của mình như người bảo hộ Phật giáo mà còn sử dụng tôn giáo như một phương tiện quan trọng để hợp pháp hóa quyền lực. Vì vậy, trong lịch sử Thái Lan, tôn giáo không chỉ mang ý nghĩa tâm linh mà còn là một công cụ chiến lược trong quản trị quốc gia, góp phần duy trì ổn định chính trị, trật tự xã hội và củng cố bản sắc văn hóa dân tộc.

4. Thực trạng mối quan hệ giữa Tăng đoàn Phật giáo và triều đình Rama II

4.1. Cơ cấu tổ chức và quyền lực nội bộ của Tăng đoàn thời Rama II

Dưới triều vua Rama II (1809 - 1824), Tăng đoàn Phật giáo Thái Lan vận hành như một thiết chế có tổ chức cao, kết hợp kỷ luật Phật luật truyền thống với yêu cầu quản trị của nhà nước quân chủ trung ương tập quyền, hình thành một trật tự tôn giáo - chính trị tương hỗ

(Ishii, Y., 1986, tr. 39). Hệ thống Tăng đoàn được tổ chức theo mô hình phân cấp, đứng đầu là Tăng thống tối cao, song việc bổ nhiệm chức danh này thuộc quyền nhà vua, cho thấy quyền lực giáo hội đã bị "chính trị hóa" và phụ thuộc căn bản vào hoàng quyền (Swearer, D. K., 2010, tr. 72).

Ở cấp địa phương, mạng lưới trụ trì và tăng quan không chỉ đảm nhiệm chức năng tôn giáo mà còn tham gia giáo dục, giám sát đạo đức và phối hợp với chính quyền trong quản lý xã hội, tạo nên một cơ chế cai trị mềm dựa trên uy tín tinh thần hơn là cưỡng chế (Suwanna Satha - Anand, 1993, tr. 57). Dù nội bộ Tăng đoàn còn tồn tại khác biệt về nghi lễ và thực hành, triều đình Chakri lựa chọn chiến lược dung hợp, duy trì đa dạng truyền thống nhưng đặt dưới một trật tự chính danh chung thông qua bảo trợ và kiểm soát hành chính gián tiếp (Jackson, P. A., 2003, tr. 187).

Quyền lực trong Tăng đoàn được xác lập không chỉ bằng địa vị tôn giáo mà còn qua học thuật kinh điển và quan hệ với triều đình, hình thành một tầng lớp ưu tú tôn giáo có ảnh hưởng tinh thần và chính trị gián tiếp (McCargo, D., 2004, tr. 13). Nhìn chung, dưới thời Rama II, Tăng đoàn chuyển hóa từ cộng đồng tu sĩ sang một thiết chế xã hội - chính trị bán chính thức, đặt nền tảng cho sự gắn kết sâu sắc giữa Phật giáo và nhà nước trung ương trong các cải cách tôn giáo về sau.

4.2. Chính sách và biện pháp quản lý Tăng đoàn của triều đình

Chính sách quản lý Tăng đoàn được kiến tạo theo hướng dung hợp giữa bảo trợ và kiểm soát hành chính, hình thành một cơ chế điều hành mềm nhưng hiệu quả đối với đời sống tôn giáo. Thay vì can thiệp bằng mệnh lệnh trực tiếp, chính quyền triển khai chiến lược "hợp thức hóa thông qua bảo trợ", trong đó quyền lực chính trị được thẩm thấu vào giáo hội nhờ sự phân phối có điều kiện các nguồn lực vật chất và biểu tượng (Bowornwathana, B., 2006, tr. 41). Việc xây dựng, trùng tu chùa chiền và bảo trợ sinh hoạt tôn giáo không đơn thuần mang ý nghĩa tôn giáo, mà còn giúp nhà nước thiết lập mạng lưới ảnh hưởng bền vững trong không gian tôn giáo - vốn có sức lan tỏa sâu rộng đến cộng đồng cơ sở.

Biện pháp mang tính quyết định khác là kiểm soát nhân sự giáo hội. Việc bổ nhiệm Tăng thống, trụ trì các chùa lớn và tăng quan cấp vùng cho phép chính quyền nắm giữ điểm chốt quyền lực tinh thần trong xã hội. Nhân sự tôn giáo được lựa chọn không chỉ trên tiêu chí tu học mà còn dựa trên mức độ "khả tín chính trị". Cơ chế này tạo ra mối quan hệ lệ thuộc thể chế giữa cá nhân tăng sĩ và nhà nước, qua đó biến hệ thống tăng lữ thành một phần mở rộng của bộ máy quản trị.

Việc quản lý tư tưởng được thực hiện thông qua kiểm soát giáo dục Phật học và chuẩn hóa nội dung giảng dạy kinh điển. Những cách diễn giải giáo lý đề cao trật tự xã hội, lòng trung thành và vai trò của quyền lực được ưu tiên lan truyền; trong khi diễn ngôn có xu hướng độc lập hoặc phản biện bị loại trừ khỏi dòng chính không bằng cưỡng ép mà bằng cơ chế "loại bỏ khỏi nguồn bảo trợ" (McDaniel, J. A., 2011, tr. 156). Quy trình lựa chọn này

khiến hệ tư tưởng Phật giáo được "chính thể hóa", trở thành nền tảng đạo đức cho mô hình nhà nước.

Bên cạnh đó, chính quyền chủ trương "xã hội hóa" Tăng đoàn bằng cách định hướng hoạt động vào giáo dục luân lý, nghi lễ cộng đồng và từ thiện xã hội. Tăng sĩ được khuyến khích đảm nhận vai trò kiến tạo trật tự hơn là phản biện quyền lực (Taylor, J. L., 2014, tr. 203). Chính sách này giúp củng cố sự ổn định xã hội nhưng đồng thời đẩy Tăng đoàn ra khỏi không gian chính trị công khai, làm suy yếu tiềm năng hình thành một đối trọng tinh thần đối với quyền lực thế tục.

Nhìn lại các chính sách này tạo nên một mô hình kiểm soát gián tiếp đặc trưng: Tăng đoàn tồn tại như một tổ chức có vẻ ngoài tự trị, nhưng quyền lực thực tế bị ràng buộc trong khuôn khổ nhà nước thông qua ngân sách, bổ nhiệm và tư tưởng. Quyền lực chính trị không thay thế quyền lực tôn giáo mà "cắm rễ" vào bên trong nó. Nhờ đó, nhà nước không chỉ kiểm soát hành chính mà còn tạo dựng được sự chính danh đạo đức, biến Phật giáo thành nguồn lực biểu tượng cho việc duy trì trật tự và quyền lực.

4.3. Ảnh hưởng của Tăng đoàn đối với triều đình và sự tác động ngược lại

Mối quan hệ giữa Tăng đoàn Phật giáo và triều đình tại Thái Lan không phải là quan hệ một chiều mà là một quá trình tương tác hai chiều mang tính cấu trúc, trong đó quyền lực tôn giáo và quyền lực chính trị vừa tác động qua lại vừa tái định hình lẫn nhau. Tăng đoàn không chỉ đóng vai trò truyền bá giáo lý mà còn góp phần kiến tạo nền tảng đạo đức cho chế độ quân chủ, trong khi triều đình thông qua các chính sách bảo trợ và quản lý đã điều chỉnh hướng vận hành của giáo hội nhằm phục vụ mục tiêu ổn định xã hội và chính danh chính trị.

Trước hết, ảnh hưởng của Tăng đoàn đối với triều đình thể hiện qua việc hợp pháp hóa quyền lực vương triều bằng diễn ngôn đạo đức Phật giáo. Các nghi lễ hoàng gia, từ lễ đăng quang đến các đại lễ quốc gia, đều mang dấu ấn Phật giáo rõ nét, qua đó khắc họa hình ảnh nhà vua như hiện thân của lý tưởng Dhammarāja - người trị vì bằng chính pháp (Bowie, K. A., 2017, tr. 96). Diễn ngôn Phật giáo giúp chuyển hóa quyền lực chính trị thành quyền lực đạo đức, khiến sự cai trị không chỉ dựa trên sức mạnh cưỡng chế mà còn dựa trên tính chính danh tinh thần. Nhờ Tăng đoàn, quyền lực của hoàng quyền được "thiêng hóa", vượt khỏi phạm vi thế tục thông thường.

Không dừng lại ở biểu tượng, Tăng đoàn còn tác động đến hệ giá trị điều hành chính quyền. Các chuẩn mực về công đức, từ bi và trật tự được tăng sĩ diễn giảng rộng khắp đã định hình khuôn khổ đạo đức cho quan lại và triều thần. Điều này tạo ra một nền quản trị đạo đức không thành văn, trong đó nhà nước được kỳ vọng phải hành xử phù hợp với giáo lý (Jory, P., 2016, tr. 112). Tăng đoàn, trong vai trò gián tiếp, đã tham gia vào quá trình "đạo đức hóa quyền lực", hình thành áp lực tinh thần đối với tầng lớp cầm quyền.

Ở chiều ngược lại, triều đình có ảnh hưởng sâu sắc tới cấu trúc quyền lực và định hướng phát triển của Tăng đoàn. Thông qua quyền bổ nhiệm chức sắc tối cao và kiểm soát tài sản tôn giáo, chính quyền đã "tái cấu trúc nội bộ" giáo hội theo hướng phục tùng trật tự chính trị (Peleggi, M., 2014, tr. 58). Việc phong phẩm không đơn thuần dựa trên tu học mà còn

phản ánh yêu cầu trung thành chính trị. Các chùa lớn được ưu đãi ngân sách trở thành trung tâm quyền lực giáo hội, trong khi những trung tâm không nằm trong mạng lưới bảo trợ dần bị gạt ra lề.

Triều đình cũng can thiệp vào định hướng tư tưởng của Phật giáo bằng cách ưu tiên các diễn giải giáo lý nhấn mạnh trật tự, bổn phận và lòng trung thành. Quy trình kiểm soát này không mang hình thức kiểm duyệt cứng rắn mà thông qua cơ chế chọn lọc bảo trợ học thuật và nghi lễ. Kết quả là Phật giáo không chỉ là truyền thống tâm linh mà trở thành bộ phận của diễn ngôn chính trị chính thống, phục vụ việc duy trì trật tự và quyền lực.

Sự tương tác hai chiều giữa Tăng đoàn và triều đình vì thế tạo nên một cộng sinh quyền lực. Tăng đoàn trao cho triều đình tính chính danh và nền tảng đạo đức; triều đình cung cấp cho giáo hội nguồn lực và địa vị chính thức. Mối quan hệ này không làm mất đi vai trò tôn giáo của Tăng đoàn mà trái lại, đưa giáo hội vào trung tâm đời sống chính trị - xã hội. Tuy nhiên, cái giá phải trả là tính tự chủ của Phật giáo bị thu hẹp, khi quyền lực tinh thần ngày càng gắn chặt với lợi ích chính trị của nhà nước. Đây là đặc trưng cốt lõi của mô hình tôn giáo - chính trị Thái Lan trong lịch sử truyền thống.

4.4. Các xung đột, thỏa hiệp và cơ chế cân bằng quyền lực giữa Tăng đoàn và triều đình

Quan hệ giữa Tăng đoàn và triều đình trong lịch sử Thái Lan không phải là một tiến trình hài hòa tuyệt đối mà là không gian liên tục của va chạm, thương lượng và điều chỉnh. Quyền lực tôn giáo và quyền lực thế tục tồn tại trong trạng thái căng thẳng tiềm ẩn, bởi cả hai đều nắm giữ nguồn vốn biểu tượng có khả năng chi phối xã hội. Trong bối cảnh đó, lịch sử không ghi nhận nhiều cuộc đối đầu công khai quy mô lớn, nhưng lại có vô số xung đột âm ỉ ở cấp độ nhân sự, diễn ngôn và nghi lễ - nơi hai dạng quyền lực cạnh tranh ảnh hưởng xã hội trong các hình thức tinh tế.

Xung đột thường nảy sinh quanh vấn đề tính tự trị của Tăng đoàn. Việc triều đình can thiệp vào bổ nhiệm chức sắc hoặc phân phối tài sản chùa chiền nhiều khi tạo ra phản kháng ngầm từ giới tăng lữ (Keyes, C. F., 2014, tr. 75). Nội bộ Tăng đoàn đã xuất hiện những nhóm chủ trương khôi phục kỷ luật tu hành nguyên thủy, phê phán sự thế tục hóa và lệ thuộc vào chính quyền. Những nỗ lực này, dù mang danh cải cách tôn giáo, thực chất phản ánh nhu cầu bảo vệ quyền lực tinh thần trước sức ép từ quyền lực chính trị.

Tuy nhiên, xung đột thường không phát triển thành đối đầu trực diện mà được chuyển hóa thành thỏa hiệp chính trị - tôn giáo. Triều đình với lợi thế về cưỡng chế không áp dụng biện pháp đàn áp cứng rắn, mà ưu tiên chiến lược dung hòa: vừa tái khẳng định quyền kiểm soát, vừa giữ hình ảnh bảo trợ Phật pháp. Đổi lại, phần lớn Tăng đoàn chấp nhận trật tự chính trị hiện hữu để duy trì địa vị xã hội và nguồn lực hoạt động. Cơ chế thỏa hiệp này tạo dựng một mô hình "ổn định thông qua nhượng bộ lẫn nhau".

Một cơ chế cân bằng quyền lực quan trọng là phân tách lĩnh vực ảnh hưởng. Triều đình khẳng định quyền lực đối với quản lý hành chính và nhân sự Tăng đoàn, trong khi giáo hội duy

trì vị thế tối cao trong không gian đạo đức và tâm linh. Sự phân công không thành văn này giúp hai bên tránh chồng lấn quyền lực công khai - nguyên nhân thường trực của xung đột (Tambiah, S. J., 2013, tr. 52). Tôn giáo không trực tiếp điều hành chính trị, nhưng giữ vai trò định chuẩn đạo đức; chính trị không can dự sâu vào giáo lý, nhưng kiểm soát tổ chức. Mô hình này tạo ra trạng thái "song quyền đồng tồn" ở mức độ biểu tượng.

Bên cạnh đó, nghi lễ và biểu tượng là công cụ dung hòa xung đột hiệu quả. Những nghi thức mang tính tôn giáo nhà nước được thiết kế để tái khẳng định mối liên kết giữa hoàng quyền và Phật pháp, chuyển hóa mâu thuẫn thành hình ảnh cộng sinh (Stanley, T., 2016, tr. 91). Khi nhà vua xuất hiện với tư cách người bảo hộ Phật giáo, Tăng đoàn gián tiếp thừa nhận vị trí dẫn đạo chính trị. Nghi lễ vì vậy không chỉ là thực hành tinh thần, mà là không gian thương lượng quyền lực mang tính biểu tượng sâu sắc.

Cuối cùng, một cơ chế cân bằng tinh tế là tính mơ hồ có chủ đích trong ranh giới quyền hạn. Việc không xác lập cứng nhắc quyền lực tôn giáo và thế tục cho phép cả hai bên linh hoạt điều chỉnh vị thế trong từng tình huống cụ thể. Tính nước đôi này ngăn ngừa sự đối đầu trực tiếp, đồng thời duy trì thế quân bình động. Nhờ đó, mối quan hệ vừa ổn định vừa uyển chuyển, tránh rơi vào trạng thái đối kháng không thể dung hòa.

Có thể thấy, lịch sử quan hệ giữa Tăng đoàn và triều đình cho thấy một mô hình cân bằng quyền lực không dựa trên đối đầu, mà dựa trên thương lượng liên tục và biểu tượng hóa quyền lực. Xung đột tồn tại, nhưng được chuyển hóa thành cơ chế hợp tác; quyền lực cạnh tranh, nhưng được điều tiết bằng nghi lễ và thỏa hiệp. Chính đặc điểm này giúp Phật giáo Thái Lan vừa giữ được vai trò trung tâm trong đời sống xã hội, vừa tránh bị cuốn vào những khủng hoảng chính trị trực diện.

5. Kết luận

Mối quan hệ giữa Tăng đoàn Phật giáo và triều đình Rama II hình thành một cấu trúc quyền lực đặc thù, trong đó tôn giáo và chính trị đan xen, tương tác và tái tạo lẫn nhau trong tiến trình kiến lập nhà nước Thái Lan đầu thế kỷ XIX. Trong bối cảnh vương triều Chakri củng cố trật tự sau biến động, Phật giáo trở thành nguồn lực tinh thần và xã hội quan trọng, góp phần định hình tính chính danh và ổn định xã hội. Tăng đoàn từng bước chuyển hóa thành một thiết chế bán công, giữ vai trò trung gian giữa nhà vua và dân chúng, đồng thời cung cấp nền tảng đạo đức cho trật tự chính trị mới.

Triều đình Rama II thiết lập mô hình quản lý mềm thông qua bảo trợ, kiểm soát nhân sự và định hướng tư tưởng, qua đó thâm nhập không gian tôn giáo mà vẫn duy trì bề mặt tự trị của giáo hội. Ngược lại, Tăng đoàn góp phần xây dựng hình ảnh nhà vua như một Dhammarāja thông qua diễn ngôn đạo đức, nghi lễ và mạng lưới làng xã. Đây là một cơ chế phân công quyền lực tinh vi, trong đó triều đình đảm trách quản trị, còn Tăng đoàn bảo đảm tính chính danh và trật tự tinh thần.

Dù tồn tại những căng thẳng liên quan đến tự trị và diễn giải giáo lý, các khác biệt chủ yếu được điều tiết thông qua thương lượng và nghi lễ, tạo nên trạng thái "cân bằng động"

trong quan hệ tôn giáo - chính trị. Chính cơ chế thỏa hiệp linh hoạt này giúp duy trì ổn định lâu dài.

Có thể khẳng định, thời kỳ Rama II là bước ngoặt quan trọng trong việc định hình mô hình tương tác giữa Phật quyền và vương quyền ở Thái Lan. Tăng đoàn vừa là trụ cột tinh thần của nhà nước vừa chịu sự tái cấu trúc bởi quyền lực chính trị, trong khi triều đình khai thác Phật giáo như nguồn vốn biểu tượng để củng cố uy tín và trật tự, qua đó đặt nền móng cho mô hình quan hệ kéo dài đến hiện nay.

Tài liệu tham khảo

Bowie, K. A. (2017). *Of beggars and Buddhas: The politics of humor in the Vessantara Jataka in Thailand.* University of Wisconsin Press.

Bowornwathana, B. (2006). *Transforming bureaucracies for the 21st century: The case of Thailand.* Emerald Group Publishing.

Ishii, Y. (1986). *Sangha, state, and society: Thai Buddhism in history.* University of Hawai'i Press.

Jackson, P. A. (2003). Buddhist legitimation and political authority in Thailand. *Modern Asian Studies, 37(1), 185-220.*

Jory, P. (2016). *Ghosts of the past in Southern Thailand*. NUS Press.

Keyes, C. F. (1987). *Thailand: Buddhist monarchy and the rise of the nation-state*. University of Chicago Press.

Keyes, C. F. (2014). *Finding their voice: Northeastern villagers and the Thai state*. Silkworm Books.

McCargo, D. (2004). Buddhism, democracy and identity in Thailand. *Democratization, 11(4), 1-14.*

McDaniel, J. A. (2011). *The Lovelorn Ghost and the Magical Monk: Practicing Buddhism in Modern Thailand.* Columbia University Press.

Mulder, N. (1979). *Inside Thai Society: Religion, Everyday Life, Change*. Van Gorcum.

Peleggi, M. (2014). *Lords of things: The fashioning of the Siamese monarchy's modern image*. University of Hawai'i Press.

Stanley, T. (2016). *Ritual and power in Thai Buddhism*. Routledge.

Stuart-Fox, M. (1986). *Thailand: From Village to Nation*. Cambridge University Press.

Suwanna Satha-Anand. (1993). Buddhist monks and the Thai state. *Journal of Asian Studies, 52(1), 45-63.*

Swearer, D. K. (2010). *The Buddhist world of Southeast Asia (2nd ed.)*. SUNY Press.

Tambiah, S. J. (1976). *World Conqueror and World Renouncer: A Study of Buddhism and Polity in Thailand against a Historical Background.* Cambridge University Press.

Taylor, J. L. (2014). *Buddhist social movements and the state in Thailand*. Routledge.

Wyatt, D. K. (1984). *Thailand: A Short History*. Yale University Press.